

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 28-9-2021  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Đông

Bà Nguyễn Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/6/ 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Thông báo về thời gian xét xử vụ án số 05/TB-TA ngày 07/9/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị L và anh Nguyễn Đức N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2018 vào ngày 12/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn 2, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Cho nên vợ chồng hiện đã sống ly thân. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn chị L có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết cho ly hôn với anh N.

## 2. Về con chung:

Chị L trình bày chị và anh N có 01 con chung tên là Nguyễn Tuấn Anh sinh ngày 30/8/2019, con chung hiện nay đang ở cùng với anh N và được chăm sóc đầy đủ. Chị L đồng ý để anh N tiếp tục trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

## 3. Về tài sản chung:

Chị L trình bày anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đức N là bị đơn trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án anh N có quan điểm trình bày như sau: Vợ chồng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn 2, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên dẫn đến có xảy ra cãi nhau. Cho nên vợ chồng đã sống ly thân, cô L bỏ về nhà ngoại sinh sống từ năm 2020 cho đến nay, để lại con chung cho anh trực tiếp nuôi. Chị L có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn yêu cầu của chị L.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Tuấn Anh sinh ngày 30/8/2019, con chung hiện nay đang ở cùng với anh N từ khi vợ chồng sống ly thân và được chăm sóc đầy đủ. Anh đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân và Công an xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Đức N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng số 54/2018 ngày

12/11/2018. Quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên có xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Chị L có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Chị L và anh N có 01 con chung tên là Nguyễn Tuấn Anh sinh ngày 30/8/2019, anh N và Chị L đều có điều kiện, khả năng nuôi con đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết. Về tài sản chung của vợ chồng: Địa phương không nắm được và đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, đương sự chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Đức N; về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức N trực tiếp nuôi con chung tên là Nguyễn Tuấn Anh sinh ngày 30/8/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Trần Thị L và bị đơn là anh Nguyễn Đức N vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Đức N đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2018 ngày 12/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, mâu thuẫn trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị L và anh N sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị L và anh N.

[3]. Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung tên là Nguyễn Tuấn Anh sinh ngày 30/8/2019. Khi ly hôn, Chị L và anh N đều đề nghị anh N được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, chị L và anh N đều có điều kiện, khả năng nuôi con chung, anh N hiện vẫn đang trực tiếp nuôi con chung ổn định, được đảm bảo đầy đủ về quyền và lợi ích cho con chung. Do vậy, cần giao con chung Phạm Hải Đăng cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh N trình bày vợ chồng không có tài sản gì chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Đức N.
2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức N trực tiếp nuôi con chung tên là Nguyễn Tuấn Anh sinh ngày 30/8/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Đức N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Nguyễn Đức N trình bày quan điểm vợ chồng không có tài sản chung gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.
5. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015964 ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Trần Thị L và bị đơn là anh Nguyễn Đức N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ, T,
- (Giấy CNKH số 54/2018 ngày 12/11/2018);
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Vân**

